TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆNPHƯỚC LONG** **TỈNH BẠC LIÊU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 36/2021/DS-ST
Ngày: 28 – 5 – 2021
V/v tranh chấp hụi

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHƯỚC LONG – TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Yến Ly**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Trần Văn Phước**

2. Ông **Phan Văn Chiếu**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Ngân** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu *tham gia phiên tòa:* Bà **Lý Thị Nhiên** – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 5 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phước Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 281/2020/TLST-DS ngày 17 tháng 11 năm 2020 về việc tranh chấp hụi theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 60/2021/QĐXXST-DS ngày 17 tháng 3 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh **Trần Văn T**, sinh năm 1978; Địa chỉ: ấp P, xã P, huyện P, tỉnh Bạc Liêu. *(Có mặt)*

2. Bị đơn: Anh **Nguyễn Phước N**, sinh năm 1980 và chị **Nguyễn Hồng L**, sinh năm 1980; Cùng địa chỉ: ấp P, xã P, huyện P, tỉnh Bạc Liêu. *(Vắng mặt)*

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Chị **Nguyễn Thị T1**, sinh năm 1977; Địa chỉ: ấp P, xã P, huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

Người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh **Trần Văn T**, sinh năm 1978; Địa chỉ: ấp P, xã P, huyện P, tỉnh Bạc Liêu. *(Có mặt)*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, lời khai có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn anh Trần Văn T trình bày:*

Vợ chồng anh N và chị L tham gia 07 phần hụi (chưng hụi) do anh làm chủ, cụ thể như sau:

- Dây hụi thứ nhất: Loại hụi 5.000.000 đồng mở ngày 20/9/2017 âm lịch, gồm 27 phần hụi, hai tháng khui hụi một lần vào ngày 20 của tháng 1, 3, 5, 7, 9 và tháng 11. Vợ chồng anh N tham gia 02 chưng. Chưng hụi thứ nhất vợ chồng anh N hốt hụi ở kỳ hụi đầu (ngày 20/9/2017 al) được số tiền 80.700.000 đồng, trừ 3.200.000đ vợ chồng anh N đóng chưng hụi thứ hai thì anh giao cho vợ chồng anh N nhận số tiền 77.500.000đ, số tiền này anh đưa cho vợ chồng anh N nhận hai lần: lần đầu vào ngày 15/10/2017 al cho vợ chồng anh N nhận trước 20 chưng với số tiền sau khi trừ cò còn lại là 61.500.000đ, có làm biên nhận, số tiền còn lại là 16.000.000đ đưa cho vợ chồng anh N nhận vào khoảng cuối tháng 10, khi đưa không có làm giấy tờ. Chưng hụi thứ hai vợ chồng anh N đóng được 05 kỳ hụi sống, hốt hụi ở kỳ hụi thứ 06 (mở ngày 20/9/2018 al) được số tiền 75.500.000 đồng, số tiền này anh giao cho vợ chồng anh N nhận vào ngày 02/10/2018 al, khi nhận tiền thì anh có viết biên nhận và anh N ký tên vào biên nhận. Sau khi hốt hụi vợ chồng anh N đóng được đến kỳ thứ 16 (mở ngày 20/3/2020 al), từ kỳ hụi thứ 17 (mở ngày 20/4/2020 al sau, do năm nay nhuần) thì vợ chồng anh N không đóng hụi đến nay. Tính đến thời điểm anh khởi kiện (tính đến kỳ mở hụi ngày 20/8/2020 al) thì 02 chưng hụi của dây hụi này vợ chồng anh N nợ anh mỗi chưng 03 kỳ hụi (kỳ 17, 18, 19 khui vào tháng 4, 6, 8/2020 al), 02 chưng thì vợ chồng anh N nợ anh là 30.000.000đ. Tính đến khi mãn hụi vợ chồng anh N còn nợ anh mỗi chưng là 10 kỳ hụi, 02 chưng là số tiền 100.000.000đ. Dây hụi này hiện chưa mãn, đến ngày 20/12/2021 al mới mãn.

- Dây hụi thứ hai: Loại hụi 5.000.000 đồng mở ngày 10/6/2018 âm lịch, gồm 26 phần hụi, hai tháng khui hụi một lần vào ngày 10 của tháng 2, 4, 6, 8, 10 và tháng 12. Vợ chồng anh N tham gia 01 chưng, đóng được 01 kỳ hụi sống, hốt hụi ở kỳ hụi thứ 2 được số tiền 67.300.000đ. Anh đã giao tiền hụi cho vợ chồng anh N nhận vào ngày 20/8/2018 al, khi giao thì anh có viết biên nhận và anh N có ký tên vào biên nhận. Sau khi hốt hụi vợ chồng anh N đóng được đến kỳ thứ 12 (mở ngày 10/4/2020 al trước, do năm nay nhuần 02 tháng 4), từ kỳ hụi thứ 13 (mở ngày 10/5/2020 al) thì vợ chồng anh N không đóng hụi đến nay. Tính đến thời điểm anh khởi kiện (tính đến kỳ hụi mở ngày 10/9/2020 al) thì vợ chồng anh N nợ anh 03 kỳ hụi chết với số tiền 15.000.000đ. Tính đến khi mãn hụi vợ chồng anh N còn nợ anh là 14 kỳ với số tiền 70.000.000đ. Chưng hụi này hiện nay chưa mãn, đến ngày 10/7/2022 al.

- Dây hụi thứ ba: Loại hụi 2.000.000 đồng mở ngày 25/01/2019 âm lịch, gồm 40 phần hụi, mỗi tháng khui một lần vào ngày 25 hàng tháng. Vợ chồng anh N tham gia 01 chưng, đóng được 01 kỳ hụi sống, hốt hụi ở kỳ hụi thứ 2 được số tiền 48.500.000đ. Anh giao tiền hụi cho vợ chồng anh N nhận vào ngày 22/3/2019 al, khi giao tiền anh có viết biên nhận và vợ anh N có ký tên vào biên nhận. Sau khi hốt hụi vợ chồng anh N đóng được đến kỳ thứ 16 (mở ngày 25/4/2020 al trước,

do năm nay nhuần 02 tháng 4), từ kỳ hụi thứ 17 (mở ngày 25/4/2020 al sau) thì vợ chồng anh N không đóng hụi đến nay. Tính đến thời điểm anh khởi kiện (tính đến kỳ hụi mở ngày 25/9/2020 al) thì vợ chồng anh N nợ anh 06 kỳ hụi chết với số tiền 12.000.000đ. Tính đến khi mãn hụi vợ chồng anh N còn nợ anh là 24 kỳ với số tiền 48.000.000đ. Chưng hụi này hiện nay chưa mãn, đến ngày 25/3/2022 al. Anh không yêu cầu đối với chưng hụi này trong vụ án này.

- Dây hụi thứ tư: Loại hụi 2.000.000 đồng mở ngày 30/9/2018 âm lịch, gồm 26 phần hụi, mỗi tháng khui một lần vào ngày 30 hàng tháng. Vợ chồng anh N tham gia 01 chưng, đóng được 02 kỳ hụi sống, hốt hụi ở kỳ hụi thứ 3 được số tiền 31.750.000đ. Do 02 kỳ hụi đầu vợ chồng anh N không đóng hụi mà anh phải bỏ tiền ra đóng nên khi giao tiền hụi thì anh trừ lại số tiền 4.000.000đ, anh chỉ giao cho vợ chồng anh N nhận số tiền 27.750.000đ vào ngày 11/12/2018 al, khi giao tiền thì anh có viết biên nhận và anh N có ký tên vào biên nhận. Sau khi hốt hụi vợ chồng anh N đóng được đến kỳ thứ 20 (mở ngày 30/4/2020 al trước, do năm nay nhuần 02 tháng 4), từ kỳ hụi thứ 21 (mở ngày 30/4/2020 al sau) thì vợ chồng anh N không đóng hụi đến nay. Chưng hụi này đã mãn vào ngày 30/9/2020 al, tính đến khi mãn hụi vợ chồng anh N còn nợ anh là 06 kỳ hụi với số tiền 12.000.000đ.

- Dây hụi thứ năm: Loại hụi 1.000.000 đồng mở ngày 25/7/2018 âm lịch, gồm 32 phần hụi, mỗi tháng khui một lần vào ngày 25 hàng tháng. Vợ chồng anh N tham gia 01 chưng, đóng được 05 kỳ hụi sống, hốt hụi ở kỳ hụi thứ 6 được số tiền 22.700.000đ. Anh giao tiền hụi cho vợ chồng anh N nhận vào ngày 06/01/2019 al, khi giao tiền anh có viết biên nhận và vợ anh N có ký tên vào biên nhận. Sau khi hốt hụi vợ chồng anh N đóng được đến kỳ thứ 22 (mở ngày 25/4/2020 al trước, do năm nay nhuần 02 tháng 4), từ kỳ hụi thứ 23 (mở ngày 25/4/2020 al sau) thì vợ chồng anh N không đóng hụi đến nay. Tính đến thời điểm anh khởi kiện (tính đến kỳ hụi mở ngày 25/9/2020 al) thì vợ chồng anh N nợ anh 06 kỳ hụi chết với số tiền 6.000.000đ. Tính đến khi mãn hụi vợ chồng anh N còn nợ anh là 10 kỳ với số tiền 10.000.000đ. Chưng hụi này hiện nay chưa mãn, đến ngày 25/01/2021 al.

- Dây hụi thứ sáu: Loại hụi 500.000 đồng mở ngày 25/7/2018 âm lịch, gồm 30 phần hụi, mỗi tháng khui một lần vào ngày 25 hàng tháng. Vợ chồng anh N tham gia 01 chưng, hốt hụi ở kỳ hụi đầu tiên được số tiền 10.770.000đ. Anh giao tiền hụi cho vợ chồng anh N nhận vào ngày 04/9/2018 al, khi giao tiền anh có viết biên nhận và anh N có ký tên vào biên nhận. Sau khi hốt hụi vợ chồng anh N đóng được đến kỳ thứ 22 (mở ngày 25/4/2020 al trước, do năm nay nhuần 02 tháng 4), từ kỳ hụi thứ 23 (mở ngày 25/4/2020 al sau) thì vợ chồng anh N không đóng hụi đến nay. Tính đến thời điểm anh khởi kiện (tính đến kỳ hụi mở ngày 25/9/2020 al) thì vợ chồng anh N nợ anh 06 kỳ hụi chết với số tiền 3.000.000đ. Tính đến khi mãn hụi vợ chồng anh N còn nợ anh là 08 kỳ với số tiền 4.000.000đ. Chưng hụi này hiện nay chưa mãn, đến ngày 25/11/2020 al.

Tổng cộng 07 chưng hụi tính tới thời điểm anh khởi kiện (tính đến ngày 25/9/2020 al) thì vợ chồng anh N nợ anh là 78.000.000đ, nhưng anh không yêu cầu đối với chưng hụi 2.000.000 đồng mở ngày 25/01/2019 âm lịch, gồm 40 phần hụi,

khi mãn hụi anh sẽ yêu cầu sau. Như vậy, vợ chồng anh N còn nợ anh tính đến ngày 25/9/2020 al số tiền hụi là 66.000.000đ. Vợ chồng anh N có gửi trả anh được số tiền 11.000.000đ, sau khi đối trừ thì còn nợ anh là 55.000.000đ.

Nay anh yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng anh Nguyễn Phước N và chị Nguyễn Hồng L phải trả cho anh số tiền nợ hụi là 55.000.000 đồng và không yêu cầu tính lãi. Ngoài ra anh không còn yêu cầu gì khác.

Chị T1 thống nhất theo lời trình bày và yêu cầu của anh, chị T1 không có ý kiến hay yêu cầu gì khác.

** Bị đơn anh Nguyễn Phước N và chị Nguyễn Hồng L đã được Tòa án triệu tập hợp L nhiều lần nhưng vắng mặt nên Tòa án không lấy được lời khai.*

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phước Long phát biểu ý kiến:*

- Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử đúng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự; Đối với nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng, riêng bị đơn chưa chấp hành khoản 15, 16 Điều 70 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Trần Văn T, buộc anh N và chị L có nghĩa vụ trả cho anh T và chị T1 số tiền nợ hụi là 55.000.000đồng.

Về án phí: Anh N và chị L phải chịu 2.750.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Về thẩm quyền và thủ tục tố tụng: Anh T khởi kiện yêu cầu anh N và chị L trả tiền hụi, anh N và chị L đang cư trú trên địa bàn huyện Phước Long nên căn cứ vào khoản 6 Điều 26, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án nhân dân huyện Phước Long thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền. Anh N và chị L đã được Tòa án triệu tập hợp L lần thứ hai nhưng vắng mặt nên Hội đồng xét xử giải quyết vắng mặt anh N và chị L là đúng theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu của đương sự: Anh T xác định vợ chồng anh N và chị L có tham gia 07 phần hụi của 06 dây hụi do anh T làm chủ, các phần hụi thì vợ chồng anh N đều đã hốt hụi nhưng không đóng hụi cho anh T đúng kỳ hụi như thoản thuận và hiện còn nợ tiền hụi của anh T. Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình, anh T cung cấp các biên nhận tiền hụi của vợ chồng anh N và Bản tự thỏa thuận về việc cam kết trả nợ đề ngày 26/9/2020 giữa anh Trần Văn T và anh Nguyễn Phước N. Theo anh T trình bày thì bản tự thỏa thuận về việc cam kết trả nợ được hai bên lập và ký tại trụ sở Công an xã Phước Long, có sự chứng kiến của anh Nguyễn Cao Sáu là Phó Trưởng Công an xã Phước Long, anh ruột của anh N là anh Nguyễn Phước Đạt, chị Nguyễn Liễu Ca và anh Võ Văn Phương. Theo biên

bản xác minh người làm chứng gồm anh Sáu, anh Đạt, chị Ca và anh Phương đều xác định vào ngày 26/9/2020 tại Trụ sở Công an xã Phước Long có trực tiếp chứng kiến anh T và anh N thoả thuận việc trả nợ tiền hụi và chứng kiến anh T và anh N cùng ký tên vào bản tự thỏa thuận về việc cam kết trả nợ đề ngày 26/9/2020 mà anh T đã cung cấp cho Toà án. Mặt khác, anh N và chị L đã được Tòa án thông báo về việc anh T khởi kiện nhưng anh N và chị L không có ý kiến phản đối gì đối với yêu cầu của anh T. Như vậy, việc vợ chồng anh N có tham gia hụi của anh T làm chủ và còn nợ tiền hụi của anh T là thực tế có xảy ra, do đó anh T yêu cầu vợ chồng anh N phải trả tiền nợ hụi cho anh T có căn cứ nên được chấp nhận.

[4] Theo bản tự thỏa thuận về việc cam kết trả nợ đề ngày 26/9/2020 thì anh N thừa nhận còn nợ anh T số tiền 208.000.000 đồng. Anh T xác định tiền nợ này là tiền hụi, ngoài ra vợ chồng anh N không có nợ anh T khoản tiền nào khác. Số tiền 208.000.000 đồng là tiền nợ hụi tính tới khi mãn tất cả các dây hụi mà vợ chồng anh N đã tham gia của anh T. Tuy nhiên trong vụ án này, anh T chỉ yêu cầu số tiền nợ hụi 06 phần hụi của 05 dây hụi tính đến ngày anh T khởi kiện (ngày 25/9/2020 âm lịch) gồm: Dây hụi thứ nhất: Loại hụi 5.000.000 đồng mở ngày 20/9/2017 âm lịch, anh T yêu cầu từ kỳ hụi thứ 17 (mở ngày 20/4/2020 al sau, do năm nhuần) đến kỳ mở hụi ngày 20/8/2020 al, mỗi chưng 03 kỳ hụi (kỳ 17, 18, 19 khui vào tháng 4, 6, 8/2020 al), 02 chưng thì vợ chồng anh N nợ anh T là 30.000.000đ; Dây hụi thứ hai: Loại hụi 5.000.000 đồng mở ngày 10/6/2018 âm lịch, yêu cầu từ kỳ hụi thứ 13 (mở ngày 10/5/2020 al) đến kỳ hụi mở ngày 10/9/2020 al là 03 kỳ hụi chết với số tiền 15.000.000đ; Dây hụi thứ tư: Loại hụi 2.000.000 đồng mở ngày 30/9/2018 âm lịch, yêu cầu từ kỳ hụi thứ 21 (mở ngày 30/4/2020 al sau) đến khi mãn hụi vợ chồng anh N còn nợ anh T 06 kỳ hụi với số tiền 12.000.000đ; Dây hụi thứ năm: Loại hụi 1.000.000 đồng mở ngày 25/7/2018 âm lịch, yêu cầu từ kỳ hụi thứ 23 (mở ngày 25/4/2020 al sau) đến kỳ hụi mở ngày 25/9/2020 al là 06 kỳ hụi chết với số tiền 6.000.000đ; Dây hụi thứ sáu: Loại hụi 500.000 đồng mở ngày 25/7/2018 âm lịch, tính từ kỳ hụi thứ 23 (mở ngày 25/4/2020 al sau) đến kỳ hụi mở ngày 25/9/2020 al là 06 kỳ hụi chết với số tiền 3.000.000đ. Đối với chưng hụi của dây hụi thứ ba loại hụi 2.000.000 đồng mở ngày 25/01/2019 âm lịch, gồm 40 phần hụi, anh T không yêu cầu trong vụ án này, khi mãn hụi anh T sẽ yêu cầu sau. Như vậy, tổng cộng 06 phần hụi vợ chồng anh N còn nợ anh T tính đến ngày 25/9/2020 âm lịch số tiền hụi là 66.000.000đ. Anh T thừa nhận vợ chồng anh N có gửi trả được số tiền 11.000.000đ, sau khi đối trừ thì còn nợ là 55.000.000đ nên anh T chỉ yêu cầu vợ chồng anh N trả số tiền 55.000.000đ là có căn cứ chấp nhận. Đối với số tiền còn lại trong bản tự thoản thuận giữa anh T và anh N thì anh T không yêu cầu trong vụ án này, đây là quyền tự định đoạt của đương sự nên được chấp nhận. Anh T xác định số tiền anh T bỏ ra để đóng thay cho phần hụi của vợ chồng anh N là tài sản chung của vợ chồng anh T nên vợ chồng anh N phải trả lại cho vợ chồng anh T.

[5] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh T, buộc anh N và chị Lê có nghĩa vụ trả cho anh T và chị T1 số tiền nợ hụi là 55.000.000 đồng.

[6] Từ những nhận định trên, xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về án phí: Anh N và chị L phải chịu án phí theo quy định. Các đương sự khác không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 147, 227, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ vào Điều 357, 468, 471 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, L phí Tòa án;

Căn cứ vào Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ về họ, hụi, biêu, phường;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Trần Văn T đối với anh Nguyễn Phước N và chị Nguyễn Hồng L. Buộc anh Nguyễn Phước N và chị Nguyễn Hồng L có nghĩa vụ trả cho anh Trần Văn T và chị Nguyễn Thị T1 số tiền nợ hụi 55.000.000 đồng (Năm mươi lăm triệu đồng).

2. Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về án phí: Anh Nguyễn Phước N và chị Nguyễn Hồng L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 2.750.000 đồng. Các đương sự khác không phải chịu án phí. Anh Trần Văn T đã dự nộp số tiền tạm ứng án phí là 1.375.000đ theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009670 ngày 17/11/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phước Long nên được nhận lại.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án

theo quy định tại các Điều 6, 7, và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Phước Long;
- Chi cục THADS huyện Phước Long;
- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Yến Ly